

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT

Ngày 18-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng.

Bà Bùi Thị Phương Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chọn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2023/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV P1.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, khu phố C, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ liên hệ: Số A, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn P – Chức vụ: giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngân K và ông Phạm Hoàng L. Cùng địa chỉ: Số F, đường số C, khu dân cư H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt khi tuyên án).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành S - Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh C. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV T1

Địa chỉ trụ sở chính: Số 470, đường Lý Thường Kiệt, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Cẩm T – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Đặng Minh H, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Số B, đường C, khóm E, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH MTV T1.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Văn H1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Số B, đường H, phường A, quận B, TP .. Văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023 (Vắng mặt khi tuyên án).

2. Bà Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số C, đường L, khóm B, phường F, Tp ., tỉnh Cà Mau. Văn bản ủy quyền ngày 15/9/2023 (Có mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV P1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày*: Ngày 24/08/2020, Công ty TNHH MTV T1 (gọi tắt là Công ty T1) và Công ty TNHH MTV P1 (gọi tắt là Công ty P1) có ký kết hợp đồng mua bán số 2408- 04/HDKT-PH về việc “Cung cấp và lắp đặt hệ thống Pin Năng Lượng Mặt Trời hòa lưới công suất 1 Mwp” có tổng giá trị là 9.500.000.000đ. Theo hợp đồng thỏa thuận thanh toán chia làm 3 đợt : Đợt 1 thanh toán 30% với số tiền 2.850.000.000đ ; Đợt 2 thanh toán 50% số tiền 4.750.000.000đ ; Đợt 3 thanh toán 20% phần còn lại đối với công tơ điện lực là 1.900.000.000đ. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2020, công trình đã hoàn thành, Công ty T1 đã đưa vào sử dụng và ký kết với Điện Lực U M. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T1 không thanh toán theo thỏa thuận. Hiện Công ty P1 khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền: 8.500.000.000đ sau khi trừ khối lượng công việc Công ty T1 đã làm và thanh toán phần lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31/12/2020 cho đến ngày xét xử là 2.652.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Công ty P1 xác định sau khi kiểm tra lại các hóa đơn, Công ty T1 cung cấp thì thống nhất đối trừ lại số tiền 1.500.000.000đ, hiện chỉ yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền 8.000.000.000đ và yêu cầu lãi là 2.468.000.000đ. Tổng cộng số tiền yêu cầu thanh toán là: 10.468.000.000đ.

Tại bản giải trình, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn trình bày: Thừa nhận giữa Công ty T1 và Công ty P1 có ký kết hợp đồng số 2408- 04/HDKT-PH ngày 24/8/2020 về việc "Mua bán lắp đặt Pin Năng Lượng Mặt Trời S" có tổng giá trị là 9.500.000.000đ. Nhưng ngày

25/10/2020, Công ty T1 có ký kết với Công ty P1, hợp đồng mua bán số 2510/HDKT-PH về việc "Mua bán lắp đặt Pin Năng Lượng Mặt Trời S" có tổng giá trị là 15.273.000.000 đồng. Do Công ty T1 với Công ty T1 có mối quan hệ gia đình nên trong quá trình trao đổi công việc, lắp đặt vận hành các thiết bị theo hợp đồng, cũng như thanh toán, tạm ứng tiền cho Công ty P1 có nhiều giao dịch chung với nhau và điều này cũng được Công ty P1 đồng ý nên Công ty T1 đã chuyển tiền thanh toán thay cho Công ty T1. Cụ thể các lần:

Lần 1: Ngày 23/11/2020 thanh toán cho Công ty T1 số tiền 2.100.000.000đ.

Lần 2: Ngày 23/11/2020 thanh toán cho Công ty T1 số tiền 2.900.000.000đ.

Lần 3: Ngày 21/12/2020 thanh toán cho Công ty T1 số tiền 7.636.577.000đ.

Lần 4: Ngày 25/12/2020 thanh toán cho Công ty T1 số tiền 2.363.423.000đ.

Lần 5: Ngày 30/3/2021 thanh toán cho Công ty T1 số tiền 100.000.000đ.

Tổng số tiền Công ty T1 đã thanh toán thay Công ty T1 là 15.100.000.000đ. Đến ngày 11/10/2022, Công ty P1 đã có bản đối chiếu công nợ gửi cho Công ty T1 trong đó có ghi rõ: Giá trị đã thanh toán tạm ứng cho Hợp đồng là 15.100.000.000đ, cùng với tiền khối lượng phát sinh giảm 100kwp 950.000.000đ. Số tiền còn lại cần phải trả là 2.950.000.000đ. Nhưng do không đồng ý cách tính phát sinh giảm của Công ty P1 với số tiền 950.000.000đ nên Công ty T1 và Công ty T1 đã có văn bản cùng ngày 13/11/2022 gửi đến Chi nhánh công ty P1 để yêu cầu tính lại số tiền nên phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên tại phiên Tòa đại diện bị đơn cung cấp bổ sung chứng cứ là Hợp đồng số 0210/HDKT-PH ngày 02/10/2020 cũng với nội dung về việc "Mua bán lắp đặt Pin Năng Lượng Mặt Trời S" có tổng giá trị là 19.000.000.000đ. Đại diện nguyên đơn cho rằng đối với hợp đồng này là tổng hợp cả hai hợp đồng số 2408- 04/HDKT-PH ngày 24/8/2020 của Công ty T1 với Hợp đồng số 2408- 02/HDKT-PH ngày 25/10/2020 của Công ty T1 và cho rằng sau khi đối trừ thiệt hại Công ty P1 còn nợ ngược lại Công ty T1 số tiền 687.000.000đ. Do đó không thống nhất yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện cho Công ty T1 trình bày: Xác định ngày 25/10/2020, Công ty T1 có ký kết với Công ty P1, hợp đồng mua bán số 2510/HDKT-PH về việc "Mua bán lắp đặt Pin Năng Lượng Mặt Trời S" có tổng giá trị là 15.273.000.000đ nhưng quá trình thực hiện Công ty P1 thực hiện được 9.500.000.000đ. Do Công ty T1 với Công ty T1 có mối quan hệ gia đình nên trong quá trình trao đổi công việc, lắp đặt vận hành các thiết bị theo hợp đồng, cũng như thanh toán, tạm ứng tiền cho Công ty P1 có nhiều giao dịch chung với nhau và điều này cũng được Chi nhánh Công ty TNHH P1 đồng ý nên quá trình thực hiện Hợp đồng Công ty T1 đã tạm ứng cho Công ty P1 được 1.500.000.000đ nhưng do có thỏa thuận lại đến ngày 23/11/2020, Chi nhánh Công ty P1 đã chuyển hoàn lại số tiền 1.500.000.000đ này cho Công ty T1 để Công ty T1 thanh toán thay tổng số tiền 15.100.000.000đ đúng như đại diện Công ty T1 trình bày và ngày 11/10/2022, Công ty P1 lập Bản đối chiếu công nợ gửi cho Công ty T1 trong đó có ghi rõ: Giá trị đã thanh toán tạm ứng cho Hợp đồng là 15.100.000.000đ, cùng với tiền khối lượng phát sinh giảm 100kwp là 950.000.000đ. Số tiền còn lại cần phải

trả là 2.950.000.000đ. Do không đồng ý cách tính phát sinh giảm của Công ty P1 chỉ với số tiền 950.000.000đ nên Công ty T1 và Công ty T1 đã có văn bản cùng ngày 13/11/2022 gửi đến Chi nhánh công ty P1 để yêu cầu tính lại số tiền sau khi đối trừ số tiền Công ty T1 bị thiệt hại này thì Chi nhánh Công ty P1 còn nợ ngược lại Công ty T1 số tiền 687.000.000đ. Tại phiên Tòa đại diện người liên quan cũng cho rằng Hợp đồng số 0210/HĐKT-PH ngày 02/10/2020 giá trị là 19.000.000.000đ là tổng hợp cả hai hợp đồng số 2408- 04/HĐKT-PH ngày 24/8/2020 của Công ty T1 với Hợp đồng số 2408- 02/HĐKT-PH ngày 25/10/2020 của Công ty T1 và cho rằng sau khi đối trừ thiệt hại Công ty P1 còn nợ ngược lại Công ty T1 và Công ty T1 số tiền 687.000.000đ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/KDTM-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 thanh toán tổng cộng số tiền là 10.468.000.000 đồng trong đó tiền hợp đồng 8.000.000.000đ lãi là 2.468.000.000đ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH MTV P1 phải chịu là 118.468.000đ. Ngày 18/6/2021, Công ty TNHH MTV P1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 59.694.000 đồng theo lai thu số 0001168 được đối trừ. Công ty TNHH MTV P1 còn phải nộp tiếp toàn bộ số tiền còn lại. Công ty TNHH MTV T1 không phải chịu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023 Công ty TNHH MTV P1 kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn có nộp đơn đề nghị rút một phần kháng cáo và thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại là 3.756.872.146 đồng, trong đó nợ gốc là 2.950.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 806.872.146 đồng. Bị đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV P1, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV P1 còn trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một

phần kháng cáo và thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn lại là 3.756.872.146 đồng trong đó nợ gốc là 2.950.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 806.872.146 đồng. Việc rút một phần yêu cầu kháng cáo và thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn là Công ty P1 yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền nợ còn lại 3.756.872.146 đồng, trong đó nợ gốc là 2.950.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 806.872.146 đồng và chỉ khởi kiện hợp đồng số 2408-04/HDKT-PH ngày 24/8/2020 về việc “Mua bán lắp đặt Pin Năng Lượng Mặt Trời S” có tổng giá trị là 9.500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án thì giữa Công ty P1 và Công ty T1 ký kết hai hợp đồng gồm hợp đồng số 2408-04/HDKT-PH ngày 24/8/2020 giá trị là 9.500.000.000 đồng và Hợp đồng số 0210/HDKT-PH giá trị là 19.000.000.000 đồng. Ngoài ra cũng trong thời điểm này Công ty P1 có ký kết với Công ty H2 kinh tế số 2408/02/HDKT-PH ngày 24/8/2020 trị giá 9.500.000.000 đồng và hợp đồng kinh tế số 2510/HDKT-PH ngày 25/10/2020 trị giá 15.273.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận hợp đồng 0210/HDKT-PH trị giá 19.000.000.000 đồng là tổng hợp của hai hợp đồng 2408-04/HDKT-PH ngày 24/8/2020 giá trị là 9.500.000.000 đồng và hợp đồng 2408/02/HDKT-PH ngày 24/8/2020 trị giá 9.500.000.000 đồng. Đối với hợp đồng kinh tế số 2510/HDKT-PH ngày 25/10/2020 trị giá 15.273.000.000 đồng mục đích ký kết để giải ngân thực tế các bên không thực thi hợp đồng này.

Hiện nguyên đơn Công ty P1 và bị đơn Công ty T1 thừa nhận hiện nay công trình đã được Công ty T1 và Công ty T1 đưa vào sử dụng và ký kết mua bán điện với Điện Lực U. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn có tranh chấp về khối lượng, chất lượng công trình và số tiền đã thanh toán. Thực tế, Công ty P1 không thi công hoàn thành hết công trình 100% mà bị dở dang, hư hỏng nhưng lại quyết toán công trình trị giá 100% điều này là hoàn toàn chưa đúng.

[3] Căn cứ vào biên bản ngày 31/10/2022 phía nguyên đơn Công ty P1 cam kết sửa chữa, nhưng không sửa chữa. Ngày 11/10/2022, Công ty P1 gửi đến Công ty T1 bảng đối chiếu công nợ xác định Công ty T1 đã thanh toán số tiền 15.100.000.000 đồng, còn lại 3.900.000.000 đồng trừ đi phát sinh giảm 950.000.000 đồng xác định Công ty T1 còn nợ lại số tiền 2.950.000.000 đồng.

Trong khi các đương sự lại thừa nhận nguồn tiền 15.100.000.000 đồng từ Công ty T1 chuyển cho Công ty P1 là có trả thay Công ty T1. Nguyên đơn thì cho rằng số tiền này Công ty T1 chuyển cho Công ty P1 để thanh toán Hợp đồng mua bán số 2510/HDKT-PH ngày 25/10/2020 của Công ty T1 với giá trị hợp đồng là 15.273.000.000 đồng không liên quan đến Công ty T1 và cho rằng Công ty T1 còn nợ toàn bộ giá trị hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, các đương sự đều thừa nhận vào ngày 24/8/2020 Công ty P1 có ký kết hợp đồng mua bán pin năng lượng mặt trời Solar House với Công ty T1-04/HDKT-PH giá trị 9.500.000.000 đồng và Công ty T1-02/HDKT-PH giá trị 9.052.000.000 đồng. Đến

ngày 02/10/2020 Công ty P1 lại tiếp tục ký kết hợp đồng mua bán pin năng lượng mặt trời Solar House với Công ty T1 số 0210/HDKT-PH giá trị 19.000.000.000 đồng và ngày 25/10/2020 ký với Công ty H2-PH giá trị 15.273.000.000 đồng, nhưng đại diện Công ty P1 cho rằng hợp đồng đã ký sau không liên quan đến hợp đồng trước và chỉ khởi kiện hợp đồng đã thỏa thuận trước để khởi kiện là chưa có căn cứ chấp nhận.

[4] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty P1 xác định chỉ khởi kiện Công ty T1 hợp đồng số 2408-04/HDKT-PH giá trị 9.500.000.000 đồng không khởi kiện Công ty T1 đối với hợp đồng số 0210/HDKT-PH ngày 02/10/2020 giá trị 19.000.000.000 đồng và cũng hoàn toàn không khởi kiện Công ty T1, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh đã quyết toán và thanh lý hợp đồng với Công ty T1 và không cung cấp được chứng từ, chứng minh khối lượng và hàng hóa đã lắp đặt cho Công ty T1. Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn căn cứ vào bảng đối chiếu công nợ ngày 11/10/2022 do chính Công ty P1 xác định Công ty T1 đã thanh toán tổng cộng số tiền là 15.100.000.000 đồng là thừa so với giá trị hợp đồng số 2408-04/HDKT-PH do các bên đã ký kết và theo bảng đối chiếu công nợ cũng xác định giá trị hợp đồng là 19.000.000.000 đồng phù hợp với hợp đồng số 0210/HDKT-PH ngày 02/10/2020 do Công ty P1 và Công ty T1 đã ký kết nhưng do nguyên đơn không khởi kiện và không yêu cầu Tòa án xem xét hợp đồng này, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Tại phiên tòa bị đơn Công ty T1 xác định số lượng pin lắp đặt còn thiếu trị giá số tiền là 1.900.000.000 đồng nhưng Công ty P1 chỉ trừ 950.000.000 đồng là chưa đúng, bộ Đ lắp thiếu 01 bộ trị giá 90.000.000 đồng, tại mục 4, 5 trạm biến áp trị giá 550.000.000 đồng; Hệ thống khung giá đỡ trị giá 450.000.000 đồng và hồ sơ bản vẽ, thiết kế trị giá 100.000.000 đồng. Sau khi đưa vào sử dụng bị hư hỏng Công ty P1 không khắc phục. Đối với Công ty T1, Công ty P1 cũng không lắp ráp đầy đủ trạm biến áp, khung giá đỡ bản vẽ thiết kế khi đưa vào sử dụng, Công ty T1 phải sửa chữa khắc phục sự cố chi phí 534.000.000.000 đồng, Công ty T1 và Công ty T1 không được đòi trừ những phần chưa được lắp đặt theo hợp đồng mà Công ty P1 vẫn tính theo giá trị hợp đồng để đòi nợ là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là Công ty TNHH MTV P1 không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào mới để làm căn cứ kháng cáo.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần kháng cáo, thay đổi yêu cầu khởi kiện nên cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện nên cấp phúc thẩm sửa phần án phí của cấp sơ thẩm số tiền nguyên đơn phải chịu án phí số tiền 107.137.442 đồng. Ngày 14/3/2023, Công ty TNHH MTV

P1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 59.576.000 đồng theo lai thu số 0003014 được đối trừ, phải nộp tiếp 47.561.442 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn là Công ty TNHH MTV P1 phải chịu 2.000.000 đồng, nguyên đơn đã dự nộp được chuyển thu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV P1.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 23/2023/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV P1 về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV T1 thanh toán số tiền nợ còn lại là 3.756.872.146 đồng trong đó nợ gốc là 2.950.000.000 đồng và số tiền lãi là 806.872.146 đồng.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV P1 phải chịu là 107.137.442 đồng. Ngày 14/3/2023, Công ty TNHH MTV P1 đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 59.576.000 đồng theo lai thu số 0003014 được đối trừ. Công ty TNHH MTV P1 còn phải nộp tiếp 47.561.442 đồng.

Công ty TNHH MTV T1 không phải chịu.

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH MTV P1 phải nộp 2.000.000 đồng. Ngày 20/10/2023 Công ty TNHH MTV P1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 2.000.000 đồng theo lai số 0008512 tại Chi cục Thi hành dân sự thành phố C, được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang

